TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do – Hạnh phúc**
Số: 32/2019/QĐST- HNGĐ	*Yên Mô, ngày 10 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 33/2019/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm 4, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ:Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ các Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tHnh ngày 02 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tHnh ngày 02 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn Đ và chị Đinh Thị H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao cháu Phạm Thảo N, sinh ngày 01/01/2016 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu Phạm Thảo N đủ tuổi thành niên.

Chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Phạm Thảo N được chung sống với anh Đ. Chị H có quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh Đ và các

thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày anh Đ có đơn đề nghị thi hành án đối với số tiền chị H chậm trả thì chị H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2 Về tài sản chung và công nợ: Anh Phạm Văn Đ và chị Đinh Thị H đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ tài sản gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng),

2.4 Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Phạm Văn Đ tự nguyện nộp nên anh Đ phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền án phí anh Đ phải nộp là là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002104 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Thẩm phán

Nơi nhận: (Đã ký)

- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện Yên Mô;*
- *CCTHADS huyện Yên Mô;*
- *Các đương sự;*
- *UBND Yên Phong;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

Nguyễn Thị Hoa